

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2025-2026

NGŨ VĂN 10

A. PHẦN VĂN BẢN

I. NGUYỄN TRÃI-DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY

- Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam
- Tác giả văn học trung đại Việt Nam (tác giả Nguyễn Trãi)
- Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại(Đại cáo bình Ngô)
- Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

II. QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba
- Cảm hứng chủ đạo

III. THỂ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN

- Đặc trưng văn bản thông tin
- Bản tin
- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

IV. HÀNH TRANG CUỘC SỐNG

- Biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin
- Bàn luận về bản thân

B. TIẾNG VIỆT

- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

C. PHẦN VIẾT

- Kỹ năng làm bài văn nghị luận về văn học
- Kỹ năng làm bài văn nghị luận xã hội

D. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

I. ĐỌC HIỂU (Gồm 8 câu, 6 điểm)

- Đọc hiểu các đoạn trích/ văn bản thuộc thể loại truyện hoặc thơ (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)

Tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (Xác định phương thức biểu đạt/chi tiết tiêu biểu/thông tin trong đoạn trích, thể loại, thể thơ, hiểu được đặc sắc nội dung, đặc sắc nghệ thuật, đặc trưng của thể loại, nhận xét, rút ra bài học....)

II. PHẦN VIẾT (4 điểm)

- Bài văn nghị luận xã hội về vấn đề có liên quan ở phần đọc hiểu(tình yêu thương, tình yêu nước, tình bạn, ...
- Nghị luận văn bản/ đoạn trích thuộc thể loại truyện hoặc thơ (ngữ liệu ngoài SGK)
(yếu tố nghệ thuật quyền năng của người kể truyện/vẻ đẹp của thơ ca; Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật...)

ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 1

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

(Lược dẫn: Vào buổi chiều muộn, nhân vật “tôi” – người kể chuyện đi dạo trên đường Nam Giao, giữa thành phố Huế và dẫn ra vùng ngoại ô. Trước thời khắc ngày tàn, đường vắng vẻ, không gian tĩnh lặng, tâm trạng của “tôi” trĩu nặng cảm xúc buồn, thương. Lòng “tôi” đầy trắc ẩn, nghĩ và thương, thương tất cả mọi vật xung quanh, thương những con người sống lặng lẽ giữa phố Huế, thương cả những người nghèo vùng ngoại thành trong những ngôi nhà lụp sụp lay lắt ngọn đèn...mang dùm những nỗi

khổ của đời “tôi” lặng lẽ đi trên đường Nam Giao, vắng lặng đến rợn người và trước mặt là một bóng đen lù lù đi tới.)

Tôi sợ... Như lúc nhỏ, mỗi lần đi giải ngoài sân. Trong nhà ra, thì can đảm bạo dạn, nhưng vừa quay lưng để vào, thì tự nhiên bắt chạy, như có ai xô. Chắc cái lưng tôi nó nhát, chứ không phải tôi nhát.

Vậy, tôi quay lưng, trở về thành phố, nghe gió thổi mừng rỡ sau mình. Được vài mươi thước, tôi mới nhớ nhìn trước mặt tôi. ở đằng kia, một bóng đen lù lù đi lại. Không ánh sáng, nên nét mình không thấy nữa; ấy là một cục bóng có hình người.

Tôi đương bận ngó hai bên đường, trông những cây phi lao đứng xù lá bơ phờ như giẻ rách, se sẽ than ra một lời nho nhỏ âu sầu... Khi tôi nhìn lại trước tôi, thì hình người đã gần thêm.

Bây giờ tôi mới để ý lưng⁽¹⁾. Tôi bước dài bước nhưng vẫn rón rén. Bóng ấy gần thêm một chút; tôi bèn đi như thường. Tôi không dám nặng chân, sợ bóng ấy tan mất. Họ đi như đứng, lẩn thẩn như nhờ gió thổi đi, mà gió thì chỉ hơi hơi một vài thoáng. Tợ hồ⁽²⁾ chỉ thuộc về sự sống có một chút thôi.

Bóng đã gần. Một luồng tê lạnh bỗng chạy qua óc tôi. Sao một cái hình người có thể "ma" như vậy. Im lặng quá, yên tĩnh quá. Cả mình đen, chỉ cái nón xám. Tuy thế, tôi cũng đoán được những miếng vải và nơi áo dài lỗ chỗ không toàn màu.

Phải rồi, một bà già. Lưng không chân chậm.

Mắt bà lão mở lim dim, mà bóng thì mờ thế này, thế có khác gì nhắm? Tay xách một cái rổ, không trông thấy được những thức gì trong ấy. Có chỉ là rổ không.

Còm. Dáng đi run. Lặng thinh, lẽ lặng thinh, không có một tiếng. Như ngủ. Lặng thinh.

Hình người không thật. Tôi biết không phải chiêm bao, không phải mộng mị. Nhưng tôi vẫn rất ngờ. Họ không biết rằng có tôi đi ngược đường họ. Họ không trông, họ không trách. Chỉ còn một điều tỏ rằng họ không chết, họ còn đi.

[...] Không, không phải bằng giấy, ấy một người bằng thịt, bằng xương - thịt khô và xương gầy - với một lịch sử chắc chắn khổ sở hết chín phần mười, với chút sống còn sót giữa lòng, như hòn lửa nhỏ còn lấp dưới tro.

Bà lão về đâu? Một ổ rom nép bên đường, hay một cái chòi lạc giữa những bụi cây? Về một túp lều xa hay không về túp lều nào cả? Trên vùng hẻo lánh kia, còn nhà cửa nào nữa! Ai sẽ nấu cơm cho bà ăn? Diêm ở đâu để bà nhóm lửa? Về đâu? Ngừng lại nơi đâu?

Đêm dày thêm. Chỉ còn mực xạ. Không kẻ dẫn đường, không một chiếc gậy, bà lão mất trong u uất, lặng im, trong dẫu tre, bí mật. Lòng tôi thắc mắc, lẫn kinh dị trong vô hạn xót thương.

Sự thương vay của tôi trẻ con và tưởng tượng hay chăng? Bao giờ lòng thương lại chẳng có duyên cớ ở trên cái đời cùng cực, đau đớn, khốn khổ, rách rưới, cô đơn này, mà những kẻ nghèo đói là những trang anh hùng, cắn chặt hai hàm răng ngậm giữ lấy đau thương.

Vừa nghĩ vừa đi, tôi đến trong thành phố rồi. Nhưng đèn điện sáng chói và tiếng xe ồn ào không rọi được trong tôi bấy nhiêu bóng chết.

(Trích **Thương vay**, Xuân Diệu – *Phấn thông vàng*, NXB Thanh niên, 1989,)

● Chú thích :

(1) Để ý lưng: nhìn kĩ, nhìn lâu

(2) *Tợ hồ*: Tựa như, dường như

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong văn bản.

Câu 2. Tìm những từ ngữ, hình ảnh gợi ra dáng vẻ đáng thương của bà lão trong đoạn văn sau:
“*Phải rồi, một bà già. Lưng không chân chậm.*

Mắt bà lão mở lim dim, mà bóng thì mờ thế này, thế có khác gì lắm? Tay xách một cái rổ, không trông thấy được những thức gì trong ấy. Có chỉ là rổ không.

Còm. Dáng đi run. Lặng thinh, lẽ lặng thinh, không có một tiếng. Như ngủ. Lặng thinh.”

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong phần in đậm trên.

Câu 4. Chỉ tiết “một lịch sử chắc chắn khổ sở hết chín phần mười” cho thấy điều gì về cuộc đời bà lão?

Câu 5. Vì sao nhân vật “tôi” lại liên tưởng bà lão với “hòn lửa nhỏ còn lấp dưới tro”?

Câu 6. Qua cách cảm nhận của “tôi”, em hiểu thế nào về nhan đề “Thương vay”?

Câu 7. Theo em, cảm xúc của nhân vật “tôi” chỉ là “tưởng tượng trẻ con” hay là biểu hiện của một tâm hồn sâu sắc? Hãy trình bày quan điểm của mình.

Câu 8. Từ ý nghĩa nhan đề “Thương vay”, anh/chị hãy nhận xét về tác động của hiện tượng “thương vay” đến người trẻ trong nhịp sống của xã hội hiện tại.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau:

“Không có ngày mai nếu bạn không có ước mơ hôm nay.”

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Đọc văn bản sau:

Mùa hạ

Xuân Quỳnh

Đó là mùa của những tiếng chim reo

Trời xanh biếc, nắng tràn trên khắp ngả

Đất thành cây, mặt trào lên vị quả

Bước chân người bỗng mở những đường đi

Đó là mùa không thể giấu che

Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng

Biển xanh thẳm, cánh buồm lòng lộng trắng

Từ những miền cay đắng hoá thành thơ

Đó là mùa của những buổi chiều

Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao vút

*Tiếng dế thức suốt đêm dài oi bức
Tiếng cuốc dồn thúc giục nắng đang trưa*

*Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa
Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết?
Mà mặt đất màu xanh là vẫn biển
Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa.*
(*Thơ Xuân Quỳnh*, NXB Văn học, 2019, tr. 34-35)

Trả lời câu hỏi/Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định chủ thể trữ tình trong bài thơ trên.

Câu 2. Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả khung cảnh chiều mùa hè trong khổ thơ:

*Đó là mùa của những buổi chiều
Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao vút
Tiếng dế thức suốt đêm dài oi bức
Tiếng cuốc dồn thúc giục nắng đang trưa*

Câu 3. Cảm xúc của tác giả được thể hiện như thế nào qua khổ thơ :

*Đó là mùa không thể giấu che
Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng
Biển xanh thắm, cánh buồm lồng lộng trắng
Từ những miền cay đắng hoá thành thơ.*

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu thơ: *Bước chân người bỗng mở những đường đi*

Câu 5. Vì sao tác giả cho rằng mùa hạ là “mùa không thể giấu che”?

Câu 6. Xác định nội dung của bài thơ trên

Câu 7. Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ nổi bật trong bài thơ trên.

Câu 8. Từ nội dung bài thơ trên, gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về khát vọng của tuổi trẻ.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Hãy viết một bài văn (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về cách thức để vượt qua những thử thách trong cuộc sống.